

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2021

V/v “*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Phan Văn Hùng;
 2. Bà Bùi Thu Hảo;
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – thư ký Tòa án nhân dân thị xã G C, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Mai Hùng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2020/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1985;
Địa chỉ: Ấp LH, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện do ủy quyền của bà X theo giấy ủy quyền số 001365 ngày 18/7/2020: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: đường số C, khu phố MB, phường BHH, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Minh C, sinh năm: 1982 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp LH, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trịnh Công T, sinh năm 1947 (Có mặt);
- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1953 (Có mặt);
- Anh Trịnh Minh Q, sinh năm 2006
- Anh Trịnh Minh N, sinh năm 2008

Người đại diện theo pháp luật của anh Q và anh N: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp LH, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2020, đơn đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 22/12/2020, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị X và đại diện do ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 bà X đưa ra yêu cầu chia đôi thửa đất số 276, tờ bản đồ số BDC, diện tích 1046 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0092 do Ủy ban nhân dân thị xã GC cấp ngày 17/8/2012 cho ông C đứng tên và căn nhà cấp 4 trên đất, tạm tính giá trị nhà và đất là 200.000.000 đồng, bà X yêu cầu nhận nhà và 523 m² đất, bà X sẽ hoàn lại cho ông C giá trị chênh lệch.

Ngày 10/7/2020 bà X có đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Bà X xin rút yêu cầu chia diện tích 523 m² đất đối với thửa đất số 276, tờ bản đồ số BDC theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0092 do Ủy ban nhân dân thị xã GC cấp ngày 17/8/2012 cho ông C đứng tên (Bút lục 22).

Ngày 22/12/2020 căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 26/11/2020 phía nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu được chia ½ giá trị căn nhà cấp 4, hàng rào và mái che, số tiền yêu cầu được nhận là 243.008.287 đồng; Yêu cầu được chia ½ giá trị của toàn bộ các cây trồng và chi phí hỗ trợ di dời cây trồng, hồ nước trên thửa đất 276, số tiền yêu cầu được nhận là 7.107.500 đồng. Tổng số tiền bà X yêu cầu được nhận là 250.115.787 đồng. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật (Bút lục 25).

* Tại đơn khởi kiện phản tố ngày 19/10/2020, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trịnh Minh C trình bày (Bút lục 36):

Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đất là của cha mẹ ông cho riêng ông, cây trên đất là do cha mẹ ông trồng, không phải của vợ chồng ông. Nhà và hàng rào trước đây là cha mẹ ông cho tiền để xây dựng, không phải tiền của vợ chồng ông, tiền xây dựng nhà và hàng rào vào năm 2012 chưa đến 300.000.000 đồng. Đến nay nhà và hàng rào đã xuống cấp nhưng công ty lại định giá 487.587.000 đồng là vô lý, quá cao so với thực tế.

Ông Trịnh Minh C yêu cầu phản tố, ông C yêu cầu bà X trả lại cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH0092 do Ủy ban nhân dân thị xã GC cấp ngày 17/8/2012.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Công T và bà Phạm Thị T cùng trình bày:

Đất của vợ chồng ông bà cho riêng Trịnh Minh C, nhà cũng do vợ chồng ông bà bỏ tiền ra cho vợ chồng C xây cất để ở. Ông bà không tin tưởng C và X, không

muốn giao nhà và đất cho C và X. Đến khi nào các con của C và X đủ tuổi trưởng thành thì chuyển tên cho các cháu, không đồng ý việc phân chia. Nếu X vẫn có yêu cầu phân chia thì tùy Toà án quyết định theo pháp luật. Bản thân ông bà không có khởi kiện C và X (Bút lục 86, 105).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của .

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà X có đơn khởi kiện đối với ông C. Bị đơn ông C đang cư trú tại xã BĐ, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của đương sự:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/12/2020. Bà X yêu cầu chi ½ giá trị tài sản trên đất theo giá của hai lần định giá cộng lại chia hai là 248.000.000 đồng, bà X giao cho ông C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH0092 do Ủy ban nhân dân thị xã GC cấp ngày 17/8/2012 do ông Trịnh Minh C đứng tên. Thực hiện đồng thời khi án có hiệu lực pháp luật nhà, toàn bộ tài sản trên đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn đề nghị giao nhà và đất cho bà X, yêu cầu bà X chia ½ giá trị tài sản trên đất là 248.000.000 đồng và giá trị đất là 2.000.000.000 đồng. Yêu cầu bà X trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH0092 do Ủy ban nhân dân thị xã GC cấp ngày 17/8/2012 do ông C đứng tên.

Xét yêu cầu của bà X, yêu cầu ông C chia ½ giá trị tài sản trên đất là 248.000.000 đồng có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC- VKSNDTC- BTP- BTC ngày 28/3/2014 quy định trong trường hợp các bên đưa ra mức giá khác nhau thì lấy giá trung bình của hai mức giá cộng lại. Ông C cho rằng mức giá này cao, không phù hợp với thực tế, ông giao bà X sở hữu nhà, tài sản, cây trồng, công trình trên đất, giao

lại ông C 248.000.000 đồng và 2.000.000.000 đồng tiền giá trị đất, yêu cầu này không phù hợp nên không được xem xét. Do đó, cần giao ông C toàn bộ nhà, tài sản trên đất, chia lại bà X 248.000.000 đồng là phù hợp.

Xét yêu cầu của ông C đòi bà X trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH0092 do Ủy ban nhân dân thị xã GC cấp ngày 17/8/2012 do ông Trịnh Minh C đứng tên, bà X đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các yêu cầu còn lại của bà X do bà rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[5]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các Điều 357, 468, 166, khoản 4 Điều 213 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị X và yêu cầu phản tố của ông Trịnh Minh C.

1.1. Ông Trịnh Minh C có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị X số tiền 248.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi tám triệu đồng*).

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị X giao lại cho ông Trịnh Minh C nhà, toàn bộ tài sản, công trình trên đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH0092 do Ủy ban nhân dân thị xã GC cấp ngày 17/8/2012 do ông Trịnh Minh C đứng tên.

1.3. Ông Trịnh Minh C được sở hữu một căn nhà cấp 4, toàn bộ công trình, cây trồng và tài sản trên đất theo biên bản xem xét tại chỗ và biên bản định giá ngày 03/9/2020 và ngày 26/11/2020. Bà X, anh Q và anh N có nghĩa vụ giao nhà và toàn bộ tài sản cho ông C.

Thời gian thực hiện đồng thời khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ các yêu cầu còn lại của bà Nguyễn Thị X.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị X nộp 12.400.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 43824 ngày 04/6/2020 và 6.253.000 đồng theo biên lai thu số 0019236 ngày 04/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC. Như vậy, bà X còn phải tiếp 3.647.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Ông Trịnh Minh C nộp 12.400.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019060 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G C. Như vậy, ông C còn phải tiếp 12.100.000 đồng (*Mười hai triệu một trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

LÊ THỊ HẰNG

